

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành Bộ tiêu chí về xã nông thôn mới
thành phố Hà Nội giai đoạn 2016-2020

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Quyết định số 1980/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Quyết định số 69/QĐ-BNN-VPĐP ngày 09/01/2017 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc ban hành Sổ tay hướng dẫn thực hiện Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Chương trình số 02-CTr/TU ngày 26/4/2016 của Thành ủy Hà Nội về “Phát triển nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới, nâng cao đời sống nông dân giai đoạn 2016-2020”;

Xét đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 43/TTr-SNN ngày 20/3/2017 về việc ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới thành phố Hà Nội giai đoạn 2016-2020,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Bộ tiêu chí xã nông thôn mới thành phố Hà Nội giai đoạn 2016-2020 (*Bộ tiêu chí kèm theo*).

Bộ tiêu chí xã nông thôn mới thành phố Hà Nội giai đoạn 2016-2020 là căn cứ để UBND các huyện, thị xã xây dựng kế hoạch thực hiện xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020; kiểm tra, đánh giá, công nhận các xã đạt tiêu chí nông thôn mới; phát động phong trào thi đua xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020.

Điều 2. Trách nhiệm của các sở, ngành trong việc phối hợp với UBND huyện, thị xã tổ chức thực hiện các tiêu chí về xây dựng nông thôn mới:

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với Văn phòng Điều phối xây dựng nông thôn mới Thành phố hướng dẫn thực hiện, đánh giá chấm điểm, xây dựng kế hoạch và báo cáo kết quả thực hiện hàng năm đối với

tiêu chí 3, tiêu chí 17 (17.1); phối hợp với Sở Y tế, Sở Công Thương hướng dẫn thực hiện, đánh giá chấm điểm, xây dựng kế hoạch và báo cáo kết quả thực hiện hàng năm đối với tiêu chí 17 (17.8).

2. Sở Xây dựng chủ trì hướng dẫn thực hiện, đánh giá chấm điểm, xây dựng kế hoạch và báo cáo kết quả thực hiện hàng năm đối với tiêu chí 9, tiêu chí 17 (17.4).

3. Sở Giao thông vận tải chủ trì hướng dẫn thực hiện, đánh giá chấm điểm, xây dựng kế hoạch và báo cáo kết quả thực hiện hàng năm đối với tiêu chí 2.

4. Sở Công Thương chủ trì hướng dẫn thực hiện, đánh giá chấm điểm, xây dựng kế hoạch và báo cáo kết quả thực hiện hàng năm đối với tiêu chí 4, tiêu chí 7.

5. Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì hướng dẫn thực hiện, đánh giá chấm điểm, xây dựng kế hoạch và báo cáo kết quả thực hiện hàng năm đối với tiêu chí 5, tiêu chí 14 (14.1, 14.2).

6. Sở Văn hóa và Thể thao chủ trì hướng dẫn thực hiện, đánh giá chấm điểm, xây dựng kế hoạch và báo cáo kết quả thực hiện hàng năm đối với tiêu chí 6, tiêu chí 16.

7. Sở Quy hoạch Kiến trúc chủ trì hướng dẫn thực hiện, đánh giá chấm điểm, xây dựng kế hoạch và báo cáo kết quả thực hiện hàng năm đối với tiêu chí 1.

8. Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì hướng dẫn thực hiện, đánh giá chấm điểm, xây dựng kế hoạch và báo cáo kết quả thực hiện hàng năm đối với tiêu chí 8.

9. Sở Lao động, Thương binh và Xã hội chủ trì hướng dẫn thực hiện, đánh giá chấm điểm, xây dựng kế hoạch và báo cáo kết quả thực hiện hàng năm đối với tiêu chí 11, tiêu chí 12, tiêu chí 14 (14.3), tiêu chí 18 (18.6).

10. Sở Y tế chủ trì hướng dẫn thực hiện, đánh giá chấm điểm, xây dựng kế hoạch và báo cáo kết quả thực hiện hàng năm đối với tiêu chí 15.

11. Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì hướng dẫn thực hiện, đánh giá chấm điểm, xây dựng kế hoạch và báo cáo kết quả thực hiện hàng năm đối với tiêu chí 17 (17.2, 17.3, 17.5, 17.6, 17.7).

12. Cục Thống kê Thành phố chủ trì hướng dẫn thực hiện, đánh giá chấm điểm, xây dựng kế hoạch và báo cáo kết quả thực hiện hàng năm đối với tiêu chí 10.

13. Liên minh Hợp tác xã Thành phố chủ trì hướng dẫn thực hiện, đánh giá chấm điểm, xây dựng kế hoạch và báo cáo kết quả thực hiện hàng năm đối với tiêu chí 13.

14. Sở Nội vụ chủ trì hướng dẫn thực hiện, đánh giá chấm điểm, xây dựng kế hoạch và báo cáo kết quả thực hiện hàng năm đối với tiêu chí 18 (18.1, 18.2, 18.3, 18.4).

15. Sở Tư pháp chủ trì hướng dẫn thực hiện, đánh giá chấm điểm, xây dựng kế hoạch và báo cáo kết quả thực hiện hàng năm đối với tiêu chí 18 (18.5).

16. Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội chủ trì hướng dẫn thực hiện, đánh giá chấm điểm, xây dựng kế hoạch và báo cáo kết quả thực hiện hàng năm đối với tiêu chí 19 (19.1).

17. Công an Thành phố chủ trì hướng dẫn thực hiện, đánh giá chấm điểm, xây dựng kế hoạch và báo cáo kết quả thực hiện hàng năm đối với tiêu chí 19 (19.2).

18. Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì phối hợp với Sở Tài chính và Văn phòng Điều phối nông thôn mới Thành phố tham mưu UBND Thành phố trong việc cân đối nguồn kinh phí hàng năm để giao cho địa phương và hướng dẫn tổ chức thực hiện nguồn kinh phí được giao; kiểm tra, xác định tình trạng nợ đọng xây dựng cơ bản trong xây dựng nông thôn mới làm cơ sở đánh giá, công nhận các xã đạt tiêu chí nông thôn mới.

19. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Thành phố, các Ban thuộc Thành ủy, tham gia phối hợp thực hiện Bộ tiêu chí về xã nông thôn mới thành phố Hà Nội, giai đoạn 2016-2020.

Điều 3. Tổ chức thực hiện:

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với Văn phòng Điều phối nông thôn mới Thành phố và các sở, ngành, địa phương công bố Bộ tiêu chí xã nông thôn mới thành phố Hà Nội giai đoạn 2016-2020. Tổng hợp hướng dẫn của các sở, ngành liên quan để ban hành Hướng dẫn phương pháp đánh giá, chấm điểm các tiêu chí công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới thành phố Hà Nội giai đoạn 2016-2020.

2. Văn phòng Điều phối nông thôn mới Thành phố phối hợp với các sở, ngành liên quan thường xuyên hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc các địa phương tổ chức thực hiện; chủ trì, tổng hợp công tác đánh giá, chấm điểm các tiêu chí xã đạt chuẩn nông thôn mới thành phố Hà Nội giai đoạn 2016-2020, tham mưu cho UBND Thành phố xem xét, quyết định công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới theo quy định.

3. Ủy ban nhân dân huyện, thị xã hướng dẫn các xã đánh giá, tổng hợp và công bố mức độ đạt từng tiêu chí nông thôn mới của từng xã. Kết quả báo cáo gửi định kỳ theo quý, năm về Văn phòng Điều phối nông thôn mới Thành phố.

4. Ủy ban nhân dân các xã căn cứ Bộ tiêu chí xã nông thôn mới giai đoạn 2016-2020 của Thành phố để đánh giá kết quả đạt được từng tiêu chí nông thôn mới của xã; báo cáo UBND huyện, thị xã kết quả thực hiện theo quý, năm.

5. Các sở, ngành của Thành phố căn cứ theo chức năng, nhiệm vụ được giao, phối hợp với các địa phương theo dõi, đánh giá các tiêu chí của xã trên địa bàn từng huyện; gửi báo cáo kết quả thực hiện về Văn phòng Điều phối nông thôn mới Thành phố theo quý, năm.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Chánh Văn phòng UBND Thành phố; Thủ trưởng các sở, ban, ngành Thành phố; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã; Thành viên Hội đồng thẩm định, Tổ công tác giúp việc Hội đồng thẩm định địa phương đạt chuẩn nông thôn mới Thành phố và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- VPĐP NTM Trung ương;
- TT. Thành ủy; TT. HĐND TP;
- Đ/c Chủ tịch và các PCT UBND TP;
- VPUB: CVP, PCVP NN.Sơn, TV.Dũng, KT, ĐT, KGVX, NC, TKBT, TH;
- Lưu: VT, KT_{Quang, Túy.}

TM ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Nguyễn Đức Chung

10271 (1307)

www.LuatVietnam.vn

**BỘ TIÊU CHÍ VỀ XÃ NÔNG THÔN MỚI THÀNH PHỐ HÀ NỘI
GIAI ĐOẠN 2016-2020**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 2072/QĐ-UBND ngày 03/4/2017
của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội)*

I. QUY HOẠCH

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu của Thành phố
1	Quy hoạch	1.1. Có quy hoạch chung xây dựng xã được phê duyệt và được công bố công khai đúng thời hạn	Đạt
		1.2. Ban hành quy định quản lý quy hoạch chung xây dựng xã và tổ chức thực hiện theo quy hoạch	Đạt

II. HẠ TẦNG KINH TẾ - XÃ HỘI

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu của Thành phố
2	Giao thông	2.1. Đường trục xã, liên xã và đường từ trung tâm xã đến đường huyện được nhựa hóa hoặc bê tông hóa theo cấp kỹ thuật của Bộ Giao thông vận tải, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm.	100%
		2.2. Đường trục thôn, xóm, bản và đường liên thôn, xóm, bản được cứng hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm.	100%
		2.3. Đường ngõ, xóm được cứng hóa sạch và không lầy lội vào mùa mưa.	100%
		2.4. Đường trục chính nội đồng được cứng hóa, xe cơ giới đi lại thuận tiện, đảm bảo vận chuyển hàng hóa thuận tiện quanh năm.	100%
3	Thủy lợi	3.1. Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động	≥90%
		3.2. Đảm bảo đủ điều kiện đáp ứng yêu cầu dân sinh và theo quy định về phòng chống thiên tai tại chỗ	Đạt
4	Điện	4.1. Hệ thống điện đạt chuẩn	Đạt
		4.2. Tỷ lệ hộ sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn	≥99%
5	Trường học	Tỷ lệ trường học các cấp: mầm non, mẫu giáo, tiểu học, trung học cơ sở có cơ sở vật chất và thiết bị dạy học đạt chuẩn quốc gia	100%

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu của Thành phố
6	Cơ sở vật chất văn hóa	6.1. Xã có nhà văn hóa hoặc hội trường đa năng và sân thể thao phục vụ sinh hoạt văn hóa, thể thao của toàn xã	Đạt
		6.2. Xã có điểm vui chơi, giải trí và thể thao cho trẻ em và người cao tuổi theo quy định	Đạt
		6.3. Tỷ lệ thôn, bản, ấp có nhà văn hóa hoặc nơi sinh hoạt văn hóa, thể thao phục vụ cộng đồng	100%
7	Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn	Xã có chợ nông thôn trong quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt và đạt chuẩn hoặc có siêu thị mini, cửa hàng tiện lợi, cửa hàng kinh doanh tổng hợp đạt chuẩn	Đạt
8	Thông tin và Truyền thông	8.1. Xã có điểm phục vụ bưu chính	Đạt
		8.2. Xã có dịch vụ viễn thông, internet	Đạt
		8.3. Xã có đài truyền thanh và hệ thống loa đến các thôn	Đạt
		8.4. Xã có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành	Đạt
9	Nhà ở dân cư	9.1. Nhà tạm, dột nát	Không
		9.2. Tỷ lệ hộ có nhà ở đạt tiêu chuẩn theo quy định	≥90%

III. KINH TẾ VÀ TỔ CHỨC SẢN XUẤT

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu của Thành phố
10	Thu nhập	Thu nhập bình quân đầu người khu vực nông thôn đến năm 2020 (triệu đồng/người)	≥50
11	Hộ nghèo	Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều giai đoạn 2016-2020	≤2%
12	Lao động có việc làm	Tỷ lệ người có việc làm trên dân số trong độ tuổi lao động có khả năng tham gia lao động	≥90%
13	Tổ chức sản xuất	13.1. Xã có hợp tác xã hoạt động theo đúng quy định của Luật Hợp tác xã năm 2012	Đạt
		13.2. Xã có mô hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản chủ lực đảm bảo bền vững	Đạt

IV. VĂN HÓA - XÃ HỘI - MÔI TRƯỜNG

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu của Thành phố
14	Giáo dục và Đào tạo	14.1. Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, xóa mù chữ, phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi; phổ cập giáo dục trung học cơ sở	Đạt
		14.2. Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở được tiếp tục học trung học (phổ thông, bổ túc, trung cấp)	≥90%
		14.3. Tỷ lệ lao động có việc làm qua đào tạo	≥45%
15	Y tế	15.1. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế	≥ 85%
		15.2. Xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế	Đạt
		15.3. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi)	≤13,9%
16	Văn hóa	Tỷ lệ thôn, bản, ấp đạt tiêu chuẩn văn hóa theo quy định	≥70%
17	Môi trường và an toàn thực phẩm	17.1. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước hợp vệ sinh và nước sạch theo quy định	≥98% (≥65% nước sạch)
		17.2. Tỷ lệ cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường	100%
		17.3. Xây dựng cảnh quan, môi trường xanh - sạch - đẹp, an toàn	Đạt
		17.4. Mai táng phù hợp với quy định và theo quy hoạch.	Đạt
		17.5. Chất thải rắn trên địa bàn và nước thải khu dân cư tập trung, cơ sở sản xuất - kinh doanh được thu gom, xử lý theo quy định	Đạt
		17.6. Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch	≥90%
		17.7. Tỷ lệ hộ chăn nuôi có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường	≥80%
		17.8. Tỷ lệ hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm	100%

V. HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu của Thành phố
18	Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật	18.1. Cán bộ, công chức xã đạt chuẩn	Đạt
		18.2. Có đủ các tổ chức trong hệ thống chính trị cơ sở theo quy định	Đạt
		18.3. Đảng bộ, chính quyền xã đạt tiêu chuẩn "trong sạch, vững mạnh"	Đạt
		18.4. Tổ chức chính trị - xã hội của xã đạt loại khá trở lên	100%
		18.5. Xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định	Đạt
		18.6. Đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình; bảo vệ và hỗ trợ những người dễ bị tổn thương trong các lĩnh vực của gia đình và đời sống xã hội	Đạt
19	Quốc phòng và An ninh	19.1. Xây dựng lực lượng dân quân "vững mạnh, rộng khắp" và hoàn thành các chỉ tiêu quốc phòng	Đạt
		19.2. Xã đạt chuẩn an toàn về an ninh, trật tự xã hội và đảm bảo bình yên: không có khiếu kiện đông người kéo dài; không để xảy ra trọng án; tội phạm và tệ nạn xã hội (ma túy, trộm cắp, cờ bạc, nghiện hút) được kiểm chế, giảm liên tục so với các năm trước	Đạt

